

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 2/2020)

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Cống lấy nước Đá Gân (cống 10 cửa), Công điều tiết Lữ Yên, Công điều tiết Lữ Vân, Công điều tiết Vân Cầu, Công điều tiết Bỉ Nội, Công điều tiết Mỏ Thổ, Công lấy nước đầu kênh N2, Công điều tiết Lăng Trình, Công điều tiết Kè Thường, Công điều tiết Kè Thễ, Công điều tiết Kè Non, Cuối kênh N5 tại chợ Mộc, Công điều tiết An Cập, Công Kè Tràng trên kênh N3.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Công điều tiết Điểm Tổng.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: *Không dùng được cho các mục đích trên:* Không có vị trí nào.

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

T	T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
				Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
				QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		0.3	2		
				QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		0.3	5		
				QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		0.9	10		
				QCVN 08:2015 B2		5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời mưa nhỏ, t° = 19°C, độ ẩm 100%, gió Đông 11 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình, cống mở 5 cửa. Nước chia thành 2 màu do dòng chảy từ mỏ sắt Trại Cau vào.	Nước màu xanh lục (bên hữu) và nâu đỏ (bên tả).	7.32	13.3	6.6	0.2	0.171	2.813	265	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời mưa nhỏ, t° = 19°C, độ ẩm 100%, gió Đông 11 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình, cống mở 2 cửa.	Nước màu vàng.	7.35	15.2	6.9	0.2	0.155	2.147	265	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
3	3	Cổng điều tiết Lữ Vân	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 98%, gió ĐDB 13 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, cống mở 2 cửa.	Nước màu nâu đỏ.	7.3	37.3	6.95	0.2	0.171	2.520	256	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												sinh.
4	4	Cổng điều tiết Vân Cầu	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 96%, gió Đông 10 km/h, mật độ mây 98%. Dòng chảy trung bình, cống mở thông 1 cửa, H _{HL} = 12.5m.	Nước màu nâu đỏ.	7.35	35.1	7.9	0.2	0.186	2.246	252	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Bi Nội	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 96%, gió Đông 10 km/h, mật độ mây 98%. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nhiều rác thải dòn ú và váng bần ở thượng lưu cống.	Nước màu vàng đục.	7.37	38.6	7.8	0.2	0.155	2.430	251	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Cổng điều tiết Mỏ Thổ	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 97%, gió Đông 10 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm, cống mở hé. Thượng lưu cống có rất nhiều rác thải.	Nước màu vàng.	7.33	16.5	7.1	0.1	0.171	2.520	247	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Cổng điều tiết	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 97%, gió	Nước màu	7.54	11.8	6.5	0.2	0.342	2.408	274	Đủ điều kiện dùng cho

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Điểm Tổng	ĐDB 11 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm, cống mở 1 cửa. Nhiều rác thải đồn ứ ở thượng lưu cống.	vàng lục.								trước, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Cống lấy nước đầu kênh N2	Trời mưa nhỏ, t° = 19°C, độ ẩm 99%, gió Đông 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, cống mở.	Nước màu nâu đỏ.	7.25	23.9	7.17	0.2	0.148	2.610	256	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cống điều tiết Lăng Trình	Trời nhiều mây, âm u, t° = 20°C, độ ẩm 98%, gió Đông 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, cống mở.	Nước màu nâu đỏ.	7.31	28.3	6.8	0.2	0.171	2.633	255	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cống điều tiết Kè Thường	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 90%, gió Đông 11 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy rất chậm, cống mở hé. Trên kênh	Nước màu vàng.	7.37	12.6	6.45	0.2	0.148	2.430	249	Đủ điều kiện dùng cho trước, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			có nhiều rác thải.									sinh.
11	11	Cổng điều tiết Kè Thề	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 96%, gió Đông 10 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy trung bình, cống mở.	Nước màu vàng đục.	7.3	26.9	7	0.2	0.202	2.225	253	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cổng điều tiết Kè Non	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 96%, gió ĐDB 11 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao.	Nước màu vàng lục.	7.21	21.5	6.9	0.2	0.210	2.243	251	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 97%, gió ĐDB 11 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy trung bình.	Nước màu xanh lục.	7.22	13.5	6.08	0.2	0.186	2.408	267	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Cổng điều tiết	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 99%, gió ĐDB 13 km/h, mật độ	Nước màu vàng.	7.32	24.3	7.7	0.2	0.186	2.700	254	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		0.3	2		
			QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		0.3	5		
			QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		0.9	10		
			QCVN 08:2015 B2		5.5 – 9		2		0.9	15		
		An Cập	mây 100%. Dòng chảy nhanh, cống mở thoáng.									Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Cống Kè Tràng trên kênh N3	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió Đông 11 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy nhanh, cống mở thông 2 cánh.	Nước màu vàng lục.	7.24	16.4	6.92	0.2	0.171	2.610	253	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.